

THÔNG BÁO

**Về việc mở bán nhà ở xã hội tại Khối nhà A, B thuộc
dự án Chung cư cho người thu nhập thấp tại khu dân cư An Trung 2**

Sở Xây dựng nhận được Thông báo số 36-25/TB-LD DMC-579 ngày 21/5/2025 của Liên danh Công ty Cổ phần Đức Mạnh và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 579 về việc mở bán nhà ở xã hội tại khối nhà A, B thuộc Dự án Chung cư cho người thu nhập thấp tại Khu dân cư An Trung 2.

Căn cứ Luật Nhà ở năm 2023, Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ, Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Thông tư số 56/2024/TT-BCA ngày 05/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an, Thông tư số 94/2024/TT-BQP ngày 11/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND thành phố, Sở Xây dựng thông báo thông tin mở bán nhà ở xã hội như sau:

1. Tên dự án: Chung cư cho người thu nhập thấp tại Khu dân cư An Trung 2.

2. Tên chủ đầu tư: Liên danh Công ty Cổ phần Đức Mạnh và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 579 (Liên danh DMC-579).

3. Địa điểm: Phường An Hải Nam, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

4. Quy mô dự án: 03 khối nhà chung cư với tổng số 957 căn hộ (khối nhà A: 18 tầng, khối nhà B: 15 tầng, khối nhà C: 12 tầng), khối nhà nhà trẻ - sinh hoạt cộng đồng, nhà xe có mái che, hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà bao gồm sân thể thao - vui chơi, công viên cây xanh, khu kỹ thuật bán ngầm, giao thông nội bộ, cấp điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải, chữa cháy ...

5. Thông tin nhà ở xã hội mở bán

- Số lượng căn hộ ở xã hội mở bán: **633 căn hộ** (khối nhà A: 288 căn hộ, khối nhà B: 345 căn hộ).

- Giá bán căn hộ: **16.207.395 đồng/m²** (đã bao gồm lợi nhuận và thuế GTGT, chưa bao gồm hệ số tầng K và chi phí bảo trì 2%). Giá bán chi tiết từng căn hộ theo Bảng giá bán đính kèm. Ngoài tiền mua nhà và các khoản thuế, phí, lệ phí liên quan đến mua bán nhà ở theo quy định, chủ đầu tư không được huy động vốn, thu tiền chênh lệch và các khoản thu trái quy định từ người mua nhà.

6. Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội

Hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu đăng ký mua nhà ở xã hội **liên hệ trực tiếp chủ đầu tư** để được hướng dẫn, nộp hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội:

- Thời gian hướng dẫn hồ sơ: Từ ngày 28/5/2025 đến hết ngày 22/7/2025.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: **Từ ngày 30/6/2025 đến hết ngày 22/7/2025.**

- Thời gian làm việc: Từ thứ Hai đến hết sáng thứ Bảy (trừ ngày Chủ nhật, ngày lễ). Buổi sáng từ 08 giờ 15 phút đến 11 giờ 45 phút; buổi chiều từ 13 giờ 45 phút đến 17 giờ.

- Địa điểm hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ: Công ty Cổ phần Đức Mạnh (Tầng 01 Tòa nhà Vĩnh Trung Plaza, 255-257 Hùng Vương, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng). Số điện thoại: 02363 538268.

Hộ gia đình, cá nhân có thể sử dụng mẫu hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2024/NĐ-CP, Thông tư số 05/2024/TT-BXD, Thông tư số 56/2024/TT-BCA, Thông tư số 94/2024/TT-BQP hoặc theo Thông báo này được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử Sở Xây dựng (<https://sxd.danang.gov.vn>) hoặc nhận trực tiếp tại chủ đầu tư (*phát hành miễn phí*).

7. Đối tượng đăng ký mua nhà ở xã hội

Đối tượng đăng ký mua nhà ở xã hội theo quy định tại khoản 1, 2, 3 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Điều 76 Luật Nhà ở:

- Người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ thuộc trường hợp được hỗ trợ cải thiện nhà ở theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (khoản 1 Điều 76 Luật Nhà ở).

- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn (khoản 2 Điều 76 Luật Nhà ở).

- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu (khoản 3 Điều 76 Luật Nhà ở).

- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị (khoản 4 Điều 76 Luật Nhà ở).

- Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị (khoản 5 Điều 76 Luật Nhà ở).

- Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp (khoản 6 Điều 76 Luật Nhà ở).

- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác (khoản 7 Điều 76 Luật Nhà ở).

- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức (khoản 8 Điều 76 Luật Nhà ở).

- Đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 125 của Luật này, trừ trường hợp bị thu hồi nhà ở công vụ do vi phạm quy định của Luật này (khoản 9 Điều 76 Luật Nhà ở).

- Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở (khoản 10 Điều 76 Luật Nhà ở).

8. Điều kiện đăng ký mua nhà ở xã hội

Điều kiện đăng ký mua nhà ở xã hội theo quy định tại Luật Nhà ở và Nghị định số 100/2024/NĐ-CP:

a) Điều kiện về nhà ở

Đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Điều 76 Luật Nhà ở phải đáp ứng đủ các điều kiện: chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình tại thành phố Đà Nẵng, chưa được mua hoặc thuê mua nhà ở xã hội, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở dưới mọi hình thức tại thành phố Đà Nẵng hoặc có nhà ở

thuộc sở hữu của mình tại thành phố Đà Nẵng nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15m^2 sàn/người; trường hợp thuộc đối tượng quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 45 Luật Nhà ở thì phải không đang ở nhà ở công vụ.

- Trường hợp chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình được xác định khi người đứng đơn và vợ hoặc chồng (nếu có) không có tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thành phố Đà Nẵng tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội.

- Trường hợp người đứng đơn có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15m^2 sàn/người. Diện tích nhà ở bình quân đầu người được xác định trên cơ sở bao gồm: người đứng đơn, vợ (chồng) của người đó, cha, mẹ (nếu có) và các con của người đó (nếu có) đăng ký thường trú tại căn nhà đó.

b) Điều kiện về thu nhập

Đối tượng quy định tại khoản 5, 6, 8 Điều 76 Luật Nhà ở thì phải đảm bảo điều kiện về thu nhập như sau:

- Trường hợp người đứng đơn là người độc thân thì có thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 15 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận.

- Trường hợp người đứng đơn đã kết hôn theo quy định của pháp luật thì người đứng đơn và vợ (chồng) của người đó có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 30 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận.

- Thời gian xác nhận điều kiện về thu nhập trong 01 năm liên tiếp, tính từ thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ cho chủ đầu tư để đăng ký mua nhà ở xã hội.

Trường hợp đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 Luật Nhà ở không có hợp đồng lao động: Nếu là người độc thân thì thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 15 triệu đồng, nếu đã kết hôn theo quy định của pháp luật thì người đứng đơn và vợ (chồng) của người đó có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 30 triệu đồng. UBND cấp xã thực hiện việc xác nhận điều kiện về thu nhập trong 01 năm liên tiếp, tính từ thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ cho chủ đầu tư để đăng ký mua nhà ở xã hội.

Đối tượng quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 76 Luật Nhà ở thì phải thuộc trường hợp hộ gia đình nghèo, cận nghèo theo chuẩn nghèo của Chính phủ.

Đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Nhà ở thì phải đảm bảo điều kiện về thu nhập như sau:

- Trường hợp người đứng đơn là người độc thân thì có thu nhập hàng tháng thực nhận không quá tổng thu nhập của sỹ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định) được cơ quan, đơn vị nơi công tác, quản lý xác nhận.

- Trường hợp người đứng đơn đã kết hôn theo quy định của pháp luật:

- + Người đứng đơn và vợ (chồng) của người đó đều thuộc đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Nhà ở thì có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 2,0 lần tổng thu nhập của sỹ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định) được cơ quan, đơn vị nơi công tác, quản lý xác nhận;

+ Vợ (chồng) của người đứng đơn không thuộc đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Nhà ở thì có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 1,5 lần tổng thu nhập của sỹ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định) được cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận. Trường hợp vợ (chồng) của người đứng đơn không có hợp đồng lao động thì UBND cấp xã thực hiện xác nhận điều kiện về thu nhập.

- Thời gian xác nhận điều kiện về thu nhập trong 01 năm liên tiếp, tính từ thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ cho chủ đầu tư để đăng ký mua nhà ở xã hội.

9. Mẫu hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội

Mẫu hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội theo quy định tại Nghị định số 100/2024/NĐ-CP, Thông tư số 05/2024/TT-BXD, Thông tư số 56/2024/TT-BCA và Thông tư số 94/2024/TT-BQP (đính kèm), cụ thể:

a) Đơn đăng ký mua nhà ở xã hội theo Mẫu số 01 - Nghị định số 100/2024/NĐ-CP.

b) Giấy tờ chứng minh đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội

- Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật Nhà ở: Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh người có công với cách mạng hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận thân nhân liệt sỹ theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

- Đối tượng quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 76 Luật Nhà ở: Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận hộ gia đình nghèo, cận nghèo theo quy định;

- Đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Nhà ở: Thực hiện theo Mẫu tại Thông tư số 94/2024/TT-BQP hoặc Mẫu NOCA - Thông tư số 56/2024/TT-BCA.

- Các đối tượng quy định tại khoản 5, 6, 8, 9, 10 Điều 76 Luật Nhà ở: Thực hiện theo Mẫu số 01 - Thông tư số 05/2024/TT-BXD.

+ Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện việc xác nhận giấy tờ chứng minh đối tượng theo quy định tại khoản 5 Điều 76 Luật Nhà ở (trường hợp có hợp đồng lao động); khoản 6 Điều 76 Luật Nhà ở; khoản 8 Điều 76 Luật Nhà ở. Trường hợp người kê khai đã nghỉ chế độ (nghỉ hưu) thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ra Quyết định nghỉ chế độ của người đó thực hiện việc xác nhận.

+ Cơ quan quản lý nhà ở công vụ thực hiện việc xác nhận giấy tờ chứng minh đối với đối tượng theo quy định tại khoản 9 Điều 76 Luật Nhà ở.

+ UBND quận, huyện thực hiện việc xác nhận giấy tờ chứng minh đối với đối tượng theo quy định tại khoản 10 Điều 76 Luật Nhà ở.

c) Giấy tờ chứng minh điều kiện về nhà ở

- Mẫu giấy tờ chứng minh điều kiện về nhà ở theo Mẫu số 02 - Thông tư số 05/2024/TT-BXD (trường hợp chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình) hoặc Mẫu số 03 - Thông tư số 05/2024/TT-BXD (trường hợp có nhà ở nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15m² sàn/người).

+ Văn phòng đăng ký đất đai thành phố thực hiện xác nhận Mẫu số 02 - Thông tư số 05/2024/TT-BXD.

+ UBND xã, phường nơi có nhà ở thực hiện xác nhận Mẫu số 03 - Thông tư số 05/2024/TT-BXD.

Lưu ý: Trường hợp người đứng đơn đăng ký mua nhà ở xã hội đã kết hôn thì phải thực hiện kê khai mẫu chứng minh điều kiện về nhà ở đối với vợ và chồng.

d) Giấy tờ chứng minh điều kiện về thu nhập

- Đối tượng quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 76 Luật Nhà ở: Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận hộ gia đình nghèo, cận nghèo.

- Mẫu giấy tờ chứng minh điều kiện về thu nhập thực hiện theo Mẫu số 04 - Thông tư số 05/2024/TT-BXD đối với đối tượng quy định tại khoản 5, 6, 7, 8 Điều 76 Luật Nhà ở hoặc Mẫu số 05 - Thông tư số 05/2024/TT-BXD đối với đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 Luật Nhà ở nhưng không có hợp đồng lao động.

+ Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi các đối tượng sau đây đang làm việc thực hiện việc xác nhận theo Mẫu số 04 - Thông tư số 05/2024/TT-BXD đối với đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 Luật Nhà ở (trường hợp có hợp đồng lao động) và khoản 6, 7, 8 Điều 76 Luật Nhà ở. Trường hợp các đối tượng nghỉ chế độ (nghỉ hưu) thì giấy tờ chứng minh điều kiện về thu nhập là quyết định nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí của người đó.

+ UBND cấp xã nơi người kê khai đăng ký thường trú/tạm trú thực hiện xác nhận theo Mẫu số 05 - Thông tư số 05/2024/TT-BXD đối với đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 Luật Nhà ở nhưng không có hợp đồng lao động.

Lưu ý: Trường hợp người đứng đơn đăng ký mua nhà ở xã hội đã kết hôn thì phải thực hiện kê khai mẫu giấy tờ chứng minh điều kiện về thu nhập theo Mẫu số 04 hoặc Mẫu số 05 đối với vợ và chồng.

10. Trình tự, thủ tục mua bán nhà ở xã hội

Trình tự thủ tục mua bán nhà ở xã hội thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP, trong đó:

- Trên cơ sở các thông tin dự án nhà ở xã hội đã được công bố tại Thông báo này, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu **nộp hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội trực tiếp cho chủ đầu tư dự án**. Khi người có nhu cầu nộp hồ sơ, người nhận hồ sơ phải ghi Giấy biên nhận. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ (chưa đúng theo quy định) thì người nhận hồ sơ có trách nhiệm ghi rõ lý do chưa giải quyết và trả lại cho người nộp hồ sơ để thực hiện việc bổ sung, hoàn thiện.

- Sau khi tập hợp đầy đủ giấy tờ đăng ký của các đối tượng có nhu cầu, chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội có trách nhiệm xem xét từng hồ sơ đăng ký, đối chiếu với các quy định về đối tượng, điều kiện theo quy định tại Điều 76, Điều 78 Luật Nhà ở và Điều 5, Điều 6 Quy định ban hành theo Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND, mẫu giấy tờ theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD, Thông tư số 56/2024/TT-BCA và Thông tư số 94/2024/TT-BQP để lập Danh sách đối tượng được mua nhà ở xã hội của dự án.

- Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội có trách nhiệm gửi Danh sách các đối tượng dự kiến được giải quyết mua nhà ở xã hội theo thứ tự ưu tiên theo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP (nêu tại Mục 11 văn bản này) về Sở Xây dựng để tổ chức kiểm tra nhằm xác định đúng đối tượng được mua nhà ở xã hội và loại trừ việc người đăng ký mua nhà ở

xã hội tại dự án này đã mua hoặc thuê mua nhà ở xã hội, đã được Nhà nước hỗ trợ nhà ở dưới mọi hình thức tại thành phố Đà Nẵng.

- Sau khi ký Hợp đồng mua bán nhà ở xã hội, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm lập đầy đủ Danh sách các đối tượng (bao gồm cả các thành viên trong hộ) đã được mua nhà ở xã hội gửi về Sở Xây dựng để công bố công khai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Danh sách này và lưu trữ để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm tra (hậu kiểm). Đồng thời, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm công bố công khai Danh sách này tại trụ sở làm việc của chủ đầu tư và tại Sàn giao dịch bất động sản hoặc Trang Thông tin điện tử về nhà ở xã hội của chủ đầu tư (nếu có).

11. Nguyên tắc, tiêu chí xét duyệt hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội (khoản 2 Điều 38 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP)

- Trường hợp tổng số hồ sơ đăng ký mua (hợp lệ) bằng hoặc ít hơn tổng số căn hộ thông báo bán thì việc lựa chọn căn hộ thực hiện theo hình thức thỏa thuận giữa chủ đầu tư và khách hàng.

- Trường hợp tổng số hồ sơ đăng ký mua (hợp lệ) nhiều hơn tổng số căn hộ thông báo bán thì việc xét duyệt, lựa chọn đối tượng thực hiện theo **hình thức bốc thăm** (trực tiếp hoặc trực tuyến) do chủ đầu tư tổ chức, có đại diện Sở Xây dựng tham gia giám sát. Việc bốc thăm phải có biên bản kết quả bốc thăm.

- Trường hợp dự án có đối tượng ưu tiên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 79 của Luật Nhà ở¹ thì được ưu tiên mua nhà ở xã hội mà không phải bốc thăm với tỷ lệ nhất định. Số lượng căn hộ dành cho các đối tượng ưu tiên này (không thông qua bốc thăm) được xác định bằng tỷ lệ giữa tổng số hồ sơ của 05 nhóm đối tượng ưu tiên này trên tổng số hồ sơ đăng ký nhân với tổng số căn hộ nhà ở xã hội của dự án. Danh sách của nhóm đối tượng ưu tiên được sắp xếp theo thứ tự theo thời điểm nộp hồ sơ. Các căn hộ dành cho các đối tượng ưu tiên được bố trí theo thứ tự của Danh sách ưu tiên cho đến khi hết, các đối tượng còn lại được tiếp tục tham gia bốc thăm (do chủ đầu tư tổ chức, có đại diện Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan tham gia giám sát).

12. Tổ chức thực hiện

a) Đề nghị UBND các quận, huyện tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về nhà ở trên địa bàn theo quy định pháp luật về nhà ở; thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động giao dịch nhà ở, kinh doanh dịch vụ bất động sản và quản lý, sử dụng nhà ở xã hội theo quy định tại Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ.

b) Đề nghị UBND các phường, xã tăng cường trách nhiệm trong công tác tiếp nhận, hướng dẫn, xác nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội trên địa bàn đảm bảo thời gian theo quy định; không để xảy ra tình trạng người dân chậm, không thực hiện được thủ tục xác nhận để đăng ký mua nhà ở xã hội.

c) Đề nghị chủ đầu tư dự án

- Tăng cường trách nhiệm trong công tác hướng dẫn, tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội theo đúng trình tự, thủ tục được quy định tại

¹Trường hợp một đối tượng được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau thì được hưởng một chính sách hỗ trợ mức cao nhất; trường hợp các đối tượng có cùng tiêu chuẩn và điều kiện thì thực hiện hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên trước đối với: người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ, người khuyết tật, người được bố trí tái định cư theo hình thức mua nhà ở xã hội, nữ giới

Luật Nhà ở năm 2023, Nghị định 100/2024/NĐ-CP, Thông tư 05/2024/TT-BXD và Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Sở Xây dựng.

- Công bố công khai thông tin dự án, tiến độ dự án, số lượng căn hộ, diện tích căn hộ, giá bán từng căn hộ; đối tượng, điều kiện được mua; nguyên tắc, tiêu chí xét duyệt; thành phần, biểu mẫu hồ sơ; địa chỉ, thời gian bắt đầu và kết thúc nộp hồ sơ đăng ký, số điện thoại liên hệ; quy định về quản lý, sử dụng nhà ở xã hội ... tại trang thông tin điện tử của chủ đầu tư (nếu có), sàn giao dịch bất động sản của chủ đầu tư (nếu có), trụ sở của chủ đầu tư, địa điểm tiếp nhận hồ sơ để cá nhân có nhu cầu được tiếp cận thông tin.

- Thực hiện việc bán nhà ở xã hội không vượt quá giá bán đã được Sở Xây dựng thẩm định. Việc ứng tiền trước của người mua nhà ở xã hội được thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán nhà ở, phù hợp với tỷ lệ hoàn thành xây dựng công trình nhà ở và tiến độ thực hiện dự án đã được phê duyệt nhưng số tiền ứng trước lần đầu không vượt quá 30% giá trị hợp đồng bao gồm cả tiền đặt cọc (nếu có), tổng số tiền các lần thanh toán không được vượt quá 70% giá trị hợp đồng đến trước khi bàn giao nhà ở cho người mua và không được vượt quá 95% giá trị hợp đồng đến trước khi người mua nhà được cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với nhà ở đó. Ngoài tiền mua nhà và các khoản thuế, phí, lệ phí liên quan đến mua bán nhà ở theo quy định, chủ đầu tư không được huy động vốn, thu tiền chênh lệch và các khoản thu trái quy định từ người mua nhà.

d) Đề nghị hộ gia đình, cá nhân

- Tìm hiểu đầy đủ thông tin các dự án nhà ở xã hội đủ điều kiện bán và tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua theo Thông báo của Sở Xây dựng (được công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử Sở Xây dựng và được gửi đến các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, phường, xã, Báo Đà Nẵng, Cổng Thông tin điện tử thành phố), các quy định về quản lý, sử dụng nhà ở xã hội trước khi nộp hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội.

- **Liên hệ trực tiếp chủ đầu tư dự án** để được hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội. Thực hiện kê khai thông tin trung thực, đúng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội. Trường hợp phát hiện hành vi kê khai không đúng sự thật, không đúng quy định sẽ xem xét hủy kết quả xét duyệt, hủy hợp đồng (trường hợp đã ký hợp đồng) và thu hồi nhà ở xã hội (trường hợp đã bàn giao nhà) theo đúng quy định.

- **Hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội phải được nộp trong thời gian tiếp nhận theo Thông báo của Sở Xây dựng, hồ sơ nộp trước hoặc sau thời gian tiếp nhận sẽ không hợp lệ.** Khuyến cáo hộ gia đình, cá nhân cảnh giác với các thông tin lừa đảo, nhận làm hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội bảo đảm “đậu”.

- Khi được giải quyết mua nhà ở xã hội, phải chấp hành đầy đủ các quy định về quản lý, sử dụng nhà ở xã hội. Trường hợp phát hiện vi phạm, sẽ xem xét, xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 16/2022/NĐ-CP.

Mọi trường hợp bán nhà ở xã hội vi phạm quy định về đối tượng hoặc điều kiện mua nhà ở xã hội thì hợp đồng mua bán nhà ở vô hiệu và bên mua phải bàn

giao lại nhà ở cho chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, đơn vị quản lý nhà ở xã hội; trường hợp không bàn giao lại nhà ở, sẽ tổ chức cưỡng chế thu hồi lại nhà ở xã hội theo đúng quy định pháp luật.

Sở Xây dựng thông báo và đề nghị các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện theo đúng quy định./. *VW*

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- UBND các quận, huyện, phường, xã;
- Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố;
- Liên danh DMC-579;
- Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Đà Nẵng;
- Công TTĐT thành phố;
- Trang TTĐT Sở Xây dựng;
- GĐ, các PGĐ Sở Xây dựng;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, QLN (H).



BẢNG GIÁ BÁN CHI TIẾT
CHUNG CƯ CHO NGƯỜI THU NHẬP THẤP TẠI KHU DÂN CƯ AN TRUNG 2
KHOI NHÀ A: 288 căn hộ

STT	Tầng	Diện tích căn hộ (m2)	Vị trí căn hộ/tầng	Số căn hộ	Giá bán bình quân (đồng/m2)	Hệ số Tầng	Hệ số Căn hộ		Hướng & tiện ích GT		Giá bán (đồng/m2)	Giá bao gồm 5% VAT (đồng)	Thuế 5% VAT (đồng)	Giá chưa bao gồm 5% VAT (đồng)	Phí bảo trì 2% trước thuế (đồng)	Giá đã bao gồm thuế và phí bảo trì (đồng)
							Căn hộ góc	Căn hộ giữa	BẮC	NAM						
1	Tầng 1	57.82	1A.01-B; 1A.17-B	2	16,207,395	1.001	1.000		0.999		16,207,379	937,110,642	44,624,316	892,486,326	17,849,727	954,960,368
		57.82	1A.03-B; 05; ... ; 15	6	16,207,395	1.001		1.000	0.999		16,207,379	937,110,642	44,624,316	892,486,326	17,849,727	954,960,368
		57.75	1A.02-D; 1A.16-D	2	16,207,395	1.001	1.000			1.001	16,239,826	937,849,951	44,659,521	893,190,430	17,863,809	955,713,760
		57.75	1A.04-D; 06; ... ; 14	6	16,207,395	1.001		1.000		1.001	16,239,826	937,849,951	44,659,521	893,190,430	17,863,809	955,713,760
2	Tầng 2	50.00	2A.01-C; 2A.17-C	2	16,207,395	1.001	1.000		0.999		16,202,521	810,126,072	38,577,432	771,548,640	15,430,973	825,557,045
		50.00	2A.02-C	1	16,207,395	1.001	1.000			1.001	16,234,959	811,747,946	38,654,664	773,093,282	15,461,866	827,209,811
		64.70	2A.03-A; 2A.15-A	2	16,207,395	1.001		1.000	0.999		16,202,521	1,048,303,137	49,919,197	998,383,940	19,967,679	1,068,270,816
		64.70	2A.04-A	1	16,207,395	1.001		1.000		1.001	16,234,959	1,050,401,842	50,019,135	1,000,382,707	20,007,654	1,070,409,496
3	Tầng 3	57.82	2A.05-B; ... ; 2B.11-B	4	16,207,395	1.001	1.000		0.999		16,202,521	936,829,789	44,610,942	892,218,847	17,844,377	954,674,166
		57.75	2A.06-D; ... ; 2B.16-D	6	16,207,395	1.001	1.000			1.001	16,234,959	937,568,877	44,646,137	892,922,740	17,858,455	955,427,332
		50.00	3A.01-C; 3A.17-C	2	16,207,395	0.998	1.000		0.999		16,158,805	807,940,261	38,473,346	769,466,916	15,389,338	823,329,600
		50.00	3A.02-C	1	16,207,395	0.998	1.000			1.001	16,191,155	809,557,760	38,550,370	771,007,390	15,420,148	824,977,907
4	Tầng 4	64.70	3A.03-A; 3A.15-A	2	16,207,395	0.998		1.000	0.999		16,158,805	1,045,474,698	49,784,509	995,690,189	19,913,804	1,065,388,502
		64.70	3A.04-A	1	16,207,395	0.998		1.000		1.001	16,191,155	1,047,567,741	49,884,178	997,683,563	19,953,671	1,067,521,412
		57.82	3A.05-B; ... ; 3A.11-B	4	16,207,395	0.998	1.000		0.999		16,158,805	934,302,118	44,490,577	889,811,541	17,796,231	952,098,349
		57.75	3A.06-D; ... ; 3A.16-D	6	16,207,395	0.998		1.000		1.001	16,191,155	935,039,212	44,525,677	890,513,535	17,810,271	952,849,483
5	Tầng 5	50.00	4A.01-C; 4A.17-C	2	16,207,395	0.996	1.000		0.999		16,126,423	806,321,143	38,396,245	767,924,898	15,358,498	821,679,641
		50.00	4A.02-C	1	16,207,395	0.996	1.000			1.001	16,158,708	807,935,399	38,473,114	769,462,285	15,389,246	823,324,645
		64.70	4A.03-A; 4A.15-A	2	16,207,395	0.996		1.000	0.999		16,207,396	1,048,618,521	49,934,215	998,684,306	19,973,686	1,068,592,207
		64.70	4A.04-A	1	16,207,395	0.996		1.000		1.001	16,160,330	1,045,573,373	49,789,208	995,784,165	19,915,683	1,065,489,057
6	Tầng 6	57.82	4A.05-B; ... ; 4B.11-B	4	16,207,395	0.996	1.000		0.999		16,128,042	932,523,387	44,405,876	888,117,511	17,762,350	950,285,737
		57.75	4A.06-D; ... ; 4B.16-D	6	16,207,395	0.996		1.000		1.001	16,160,330	933,259,077	44,440,908	888,818,169	17,776,363	951,035,441
		50.00	5A.01-C; 5A.17-C	2	16,207,395	0.996	1.000		0.999		16,126,423	806,321,143	38,396,245	767,924,898	15,358,498	821,679,641
		50.00	5A.02-C	1	16,207,395	0.996	1.000			1.001	16,158,708	807,935,399	38,473,114	769,462,285	15,389,246	823,324,645

6	64.70	5A.03-A; 5A.15-A	2	16,207,395	0.996		1.000	0.999		16,126,423	1,043,379,559	49,684,741	993,694,818	19,873,896	1,063,253,455
	64.70	5A.04-A	1	16,207,395	0.996		1.000		1.001	16,158,708	1,045,468,407	49,784,210	995,684,197	19,913,684	1,065,382,091
	57.82	5A.05-B; ...; 5A.11-B	4	16,207,395	0.996	1.000		0.999		16,126,423	932,429,769	44,401,418	888,028,352	17,760,567	950,190,336
	57.75	5A.06-D; ...; 5A.16-D	6	16,207,395	0.996		1.000		1.001	16,158,708	933,165,386	44,436,447	888,728,939	17,774,579	950,939,965
	50.00	6A.01-C; 6A.17-C	2	16,207,395	0.996	1.000		0.999		16,127,718	806,385,907	38,399,329	767,986,579	15,359,732	821,745,639
	50.00	6A.02-C	1	16,207,395	0.996	1.000			1.001	16,160,006	808,000,294	38,476,204	769,524,089	15,390,482	823,390,775
7	64.70	6A.03-A; 6A.15-A	2	16,207,395	0.996		1.000	0.999		16,127,718	1,043,463,364	49,688,732	993,774,633	19,875,493	1,063,338,857
	64.70	6A.04-A	1	16,207,395	0.996		1.000		1.001	16,160,006	1,045,552,380	49,788,209	995,764,171	19,915,283	1,065,467,663
	57.82	6A.05-B; ...; 6A.11-B	4	16,207,395	0.996	1.000		0.999		16,127,718	932,504,663	44,404,984	888,099,679	17,761,994	950,266,657
	57.75	6A.06-D; ...; 6A.16-D	6	16,207,395	0.996		1.000		1.001	16,160,006	933,240,339	44,440,016	888,800,323	17,776,006	951,016,346
	50.00	7A.01-C; 7A.17-C	2	16,207,395	0.997	1.000		0.999		16,142,614	807,130,702	38,434,795	768,695,907	15,373,918	822,504,620
	50.00	7A.02-C	1	16,207,395	0.997	1.000			1.001	16,174,932	808,746,579	38,511,742	770,234,838	15,404,697	824,151,276
8	64.70	7A.03-A; 7A.15-A	2	16,207,395	0.997		1.000	0.999		16,142,614	1,044,427,129	49,734,625	994,692,503	19,893,850	1,064,320,979
	64.70	7A.04-A	1	16,207,395	0.997		1.000		1.001	16,174,932	1,046,518,074	49,834,194	996,683,880	19,933,678	1,066,451,751
	57.82	7A.05-B; ...; 7A.11-B	4	16,207,395	0.997	1.000		0.999		16,142,614	933,365,944	44,445,997	888,919,947	17,778,399	951,144,343
	57.75	7A.06-D; ...; 7A.16-D	6	16,207,395	0.997		1.000		1.001	16,174,932	934,102,299	44,481,062	889,621,237	17,792,425	951,894,724
	50.00	8A.01-C; 8A.17-C	2	16,207,395	0.998	1.000		0.999		16,158,805	807,940,261	38,473,346	769,466,916	15,389,338	823,329,600
	50.00	8A.02-C	1	16,207,395	0.998	1.000			1.001	16,191,155	809,557,760	38,550,370	771,007,390	15,420,148	824,977,907
9	64.70	8A.03-A; 8A.15-A	2	16,207,395	0.998		1.000	0.999		16,158,805	1,045,474,698	49,784,509	995,690,189	19,913,804	1,065,388,502
	64.70	8A.04-A	1	16,207,395	0.998		1.000		1.001	16,191,155	1,047,567,741	49,884,178	997,683,563	19,953,671	1,067,521,412
	57.82	8A.05-B; ...; 8A.11-B	4	16,207,395	0.998	1.000		0.999		16,158,805	934,302,118	44,490,577	889,811,541	17,796,231	952,098,349
	57.75	8A.06-D; ...; 8A.16-D	6	16,207,395	0.998		1.000		1.001	16,191,155	935,039,212	44,525,677	890,513,535	17,810,271	952,849,483
	50.00	9A.01-C; 9A.17-C	2	16,207,395	0.998	1.000		0.999		16,158,805	807,940,261	38,473,346	769,466,916	15,389,338	823,329,600
	50.00	9A.02-C	1	16,207,395	0.998	1.000			1.001	16,191,155	809,557,760	38,550,370	771,007,390	15,420,148	824,977,907
10	64.70	9A.03-A; 9A.15-A	2	16,207,395	0.998		1.000	0.999		16,158,805	1,045,474,698	49,784,509	995,690,189	19,913,804	1,065,388,502
	64.70	9A.04-A	1	16,207,395	0.998		1.000		1.001	16,191,155	1,047,567,741	49,884,178	997,683,563	19,953,671	1,067,521,412
	57.82	9A.05-B; ...; 9A.11-B	4	16,207,395	0.998	1.000		0.999		16,158,805	934,302,118	44,490,577	889,811,541	17,796,231	952,098,349
	57.75	9A.06-D; ...; 9A.16-D	6	16,207,395	0.998		1.000		1.001	16,191,155	935,039,212	44,525,677	890,513,535	17,810,271	952,849,483
	50.00	10A.01-C; 10A.17-C	2	16,207,395	0.999	1.000		0.999		16,174,996	808,749,821	38,511,896	770,237,925	15,404,758	824,154,579
	50.00	10A.02-C	1	16,207,395	0.999	1.000			1.001	16,207,379	810,368,940	38,588,997	771,779,943	15,435,599	825,804,538
	64.70	10A.03-A; 10A.15-A	2	16,207,395	0.999		1.000	0.999		16,174,996	1,046,522,268	49,834,394	996,687,874	19,933,757	1,066,456,026

11	64.70	10A.04-A	1	16,207,395	0.999		1.000		1.001	16,207,379	1,048,617,408	49,934,162	998,683,246	19,973,665	1,068,591,073
	57.82	10A.05-B; ...; 10A.11-B	4	16,207,395	0.999	1.000	1.000	0.999		16,174,996	935,238,293	44,535,157	890,703,136	17,814,063	953,052,356
	57.75	10A.06-D; ...; 10A.16-D	6	16,207,395	0.999		1.000		1.001	16,207,379	935,976,125	44,570,292	891,405,834	17,828,117	953,804,242
	50.00	11A.01-C; 11A.17-C	2	16,207,395	1.000	1.000	1.000	0.999		16,191,188	809,559,380	38,550,447	771,008,934	15,420,179	824,979,559
	50.00	11A.02-C	1	16,207,395	1.000	1.000	1.000		1.001	16,223,602	811,180,120	38,627,625	772,552,495	15,451,050	826,631,170
12	64.70	11A.03-A; 11A.15-A	2	16,207,395	1.000		1.000	0.999		16,191,188	1,047,569,838	49,884,278	997,685,560	19,953,711	1,067,523,549
	64.70	11A.04-A	1	16,207,395	1.000		1.000		1.001	16,223,602	1,049,667,075	49,984,146	999,682,929	19,993,659	1,069,660,734
	57.82	11A.05-B; ...; 11A.11-B	4	16,207,395	1.000	1.000	1.000	0.999		16,191,188	936,174,467	44,579,737	891,594,731	17,831,895	954,006,362
	57.75	11A.06-D; ...; 11A.16-D	6	16,207,395	1.000		1.000		1.001	16,223,602	936,913,038	44,614,907	892,298,132	17,845,963	954,759,001
	50.00	12AA.01-C; 12AA.17-C	2	16,207,395	1.001	1.000	1.000	0.999		16,207,379	810,368,940	38,588,997	771,779,943	15,435,599	825,804,538
13	50.00	12AA.02-C	1	16,207,395	1.001	1.000	1.000		1.001	16,239,826	811,991,300	38,666,252	773,325,047	15,466,501	827,457,801
	64.70	12AA.03-A; 12AA.15-A	2	16,207,395	1.001		1.000	0.999		16,207,379	1,048,617,408	49,934,162	998,683,246	19,973,665	1,068,591,073
	64.70	12AA.04-A	1	16,207,395	1.001		1.000		1.001	16,239,826	1,050,716,742	50,034,131	1,000,682,611	20,013,652	1,070,730,394
	57.82	12AA.05-B; ...; 12AA.11-B	4	16,207,395	1.001	1.000	1.000	0.999		16,207,379	937,110,642	44,624,316	892,486,326	17,849,727	954,960,368
	57.75	12AA.06-D; ...; 12BA.16-D	6	16,207,395	1.001		1.000		1.001	16,239,826	937,849,951	44,659,521	893,190,430	17,863,809	955,713,760
14	50.00	12AB.01-C; 12AB.17-C	2	16,207,395	1.002	1.000	1.000	0.999		16,222,760	811,138,021	38,625,620	772,512,401	15,450,248	826,588,269
	50.00	12AB.02-C	1	16,207,395	1.002	1.000	1.000		1.001	16,255,238	812,761,921	38,702,949	774,058,972	15,481,179	828,243,100
	64.70	12AB.03-A; 12AB.15-A	2	16,207,395	1.002		1.000	0.999		16,222,760	1,049,612,599	49,981,552	999,631,047	19,992,621	1,069,605,220
	64.70	12AB.04-A	1	16,207,395	1.002		1.000		1.001	16,255,238	1,051,713,926	50,081,616	1,001,632,310	20,032,646	1,071,746,572
	57.82	12AB.05-B; ...; 12AB.11-B	4	16,207,395	1.002	1.000	1.000	0.999		16,222,760	938,000,008	44,666,667	893,333,341	17,866,667	955,866,674
15	57.75	12AB.06-D; ...; 12AB.16-D	6	16,207,395	1.002		1.000		1.001	16,255,238	938,740,019	44,701,906	894,038,113	17,880,762	956,620,781
	50.00	14A.01-C; 14A.17-C	2	16,207,395	1.003	1.000	1.000	0.999		16,239,761	811,988,058	38,666,098	773,321,960	15,466,439	827,454,498
	50.00	14A.02-C	1	16,207,395	1.003	1.000	1.000		1.001	16,272,273	813,613,660	38,743,508	774,870,152	15,497,403	829,111,063
	64.70	14A.03-A; 14A.15-A	2	16,207,395	1.003		1.000	0.999		16,239,761	1,050,712,548	50,033,931	1,000,678,617	20,013,572	1,070,726,120
	64.70	14A.04-A	1	16,207,395	1.003		1.000		1.001	16,272,273	1,052,816,076	50,134,099	1,002,681,977	20,053,640	1,072,869,716
16	57.82	14A.05-B; ...; 14A.11-B	4	16,207,395	1.003	1.000	1.000	0.999		16,239,761	938,982,991	44,713,476	894,269,515	17,885,390	956,868,381
	57.75	14A.06-D; ...; 14A.16-D	6	16,207,395	1.003		1.000		1.001	16,272,273	939,723,777	44,748,751	894,975,026	17,899,501	957,623,278
	50.00	15A.01-C; 15A.17-C	2	16,207,395	1.003	1.000	1.000	0.999		16,239,761	811,988,058	38,666,098	773,321,960	15,466,439	827,454,498
	50.00	15A.02-C	1	16,207,395	1.003	1.000	1.000		1.001	16,272,273	813,613,660	38,743,508	774,870,152	15,497,403	829,111,063
	64.70	15A.03-A; 15A.15-A	2	16,207,395	1.003		1.000	0.999		16,239,761	1,050,712,548	50,033,931	1,000,678,617	20,013,572	1,070,726,120

16	64.70	15A.04-A	1	16,207,395	1.003		1.000		1.001	16,272,273	1,052,816,076	50,134,099	1,002,681,977	20,053,640	1,072,869,716
	57.82	15A.05-B; ...; 15A.11-B	4	16,207,395	1.003	1.000		0.999		16,239,761	938,982,991	44,713,476	894,269,515	17,885,390	956,868,381
	57.75	15A.06-D; ...; 15A.16-D	6	16,207,395	1.003		1.000		1.001	16,272,273	939,723,777	44,748,751	894,975,026	17,899,501	957,623,278
	50.00	16A.01-C; 16A.17-C	2	16,207,395	1.003	1.000		0.999		16,239,761	811,988,058	38,666,098	773,321,960	15,466,439	827,454,498
	50.00	16A.02-C	1	16,207,395	1.003	1.000			1.001	16,272,273	813,613,660	38,743,508	774,870,152	15,497,403	829,111,063
17	64.70	16A.03-A; 16A.15-A	2	16,207,395	1.003		1.000	0.999		16,239,761	1,050,712,548	50,033,931	1,000,678,617	20,013,572	1,070,726,120
	64.70	16A.04-A	1	16,207,395	1.003		1.000		1.001	16,272,273	1,052,816,076	50,134,099	1,002,681,977	20,053,640	1,072,869,716
	57.82	16A.05-B; ...; 16A.11-B	4	16,207,395	1.003	1.000		0.999		16,239,761	938,982,991	44,713,476	894,269,515	17,885,390	956,868,381
	57.75	16A.06-D; ...; 16A.16-D	6	16,207,395	1.003		1.000		1.001	16,272,273	939,723,777	44,748,751	894,975,026	17,899,501	957,623,278
	50.00	17A.01-C; 17A.17-C	2	16,207,395	1.004	1.000		0.999		16,247,857	812,392,838	38,685,373	773,707,465	15,474,149	827,866,987
18	50.00	17A.02-C	1	16,207,395	1.004	1.000			1.001	16,280,385	814,019,250	38,762,821	775,256,429	15,505,129	829,524,379
	64.70	17A.03-A; 17A.15-A	2	16,207,395	1.004		1.000	0.999		16,247,857	1,051,236,332	50,058,873	1,001,177,460	20,023,549	1,071,259,882
	64.70	17A.04-A	1	16,207,395	1.004		1.000		1.001	16,280,385	1,053,340,910	50,159,091	1,003,181,819	20,063,636	1,073,404,546
	57.82	17A.05-B; ...; 17A.11-B	4	16,207,395	1.004	1.000		0.999		16,247,857	939,451,078	44,735,766	894,715,312	17,894,306	957,345,384
	57.75	17A.06-D; ...; 17A.16-D	6	16,207,395	1.004		1.000		1.001	16,280,385	940,192,234	44,771,059	895,421,175	17,908,424	958,100,657
18	50.00	18A.01-C; 18A.17-C	2	16,207,395	1.004	1.000		0.999		16,255,952	812,797,618	38,704,648	774,092,969	15,481,859	828,279,477
	50.00	18A.02-C	1	16,207,395	1.004	1.000			1.001	16,288,497	814,424,840	38,782,135	775,642,705	15,512,854	829,937,694
	64.70	18A.03-A; 18A.15-A	2	16,207,395	1.004		1.000	0.999		16,255,952	1,051,760,117	50,083,815	1,001,676,302	20,033,526	1,071,793,643
	64.70	18A.04-A	1	16,207,395	1.004		1.000		1.001	16,288,497	1,053,865,743	50,184,083	1,003,681,660	20,073,633	1,073,939,376
	57.82	18A.05-B; ...; 18A.11-B	4	16,207,395	1.004	1.000		0.999		16,255,952	939,919,165	44,758,055	895,161,110	17,903,222	957,822,387
	57.75	18A.06-D; ...; 18A.16-D	6	16,207,395	1.004		1.000		1.001	16,288,497	940,660,690	44,793,366	895,867,324	17,917,346	958,578,037

BẢNG GIÁ BÁN CHI TIẾT
CHUNG CƯ CHO NGƯỜI THU NHẬP THẤP TẠI KHU DÂN CƯ AN TRUNG 2
KHOÍ NHÀ B : 345 căn hộ

STT	Tầng	Diện tích căn hộ (m2)	Vị trí căn hộ/tầng	Số căn hộ	Giá bán bình quân (đồng/m2)	Hệ số Tầng	Hệ số Căn hộ		Hướng & tiện ích GT		Giá bán (đồng/m2)	Giá bao gồm 5% VAT (đồng)	Thuế 5% VAT (đồng)	Giá chưa bao gồm 5% VAT (đồng)	Phí bảo trì 2% trước thuế (đồng)	Giá đã bao gồm thuế và phí bảo trì (đồng)
							Căn hộ góc	Căn hộ giữa	Đông - ĐB - Biền - Ngõ Quyền	Tây - TN - Sông Hàn						
1	Tầng 1	57.82	1B.01-B; 1B.25-B	2	16,207,395	1.001	1.000	1.000	1.001		16,239,826	938,986,739	44,713,654	894,273,085	17,885,462	956,872,201
		57.75	1B.03-D; 05; ... ; 23	10	16,207,395	1.001	1.000	1.000	1.001		16,239,826	937,849,951	44,659,521	893,190,430	17,863,809	955,713,760
		57.82	1B.02-B; 1B.22-B	2	16,207,395	1.001	1.000	1.000		0.999	16,207,379	937,110,642	44,624,316	892,486,326	17,849,727	954,960,368
		57.82	1B.04-B ;06; ; 20	9	16,207,395	1.001		1.000		0.999	16,207,379	937,110,642	44,624,316	892,486,326	17,849,727	954,960,368
2	Tầng 2	50.00	2B.01-C; 2B.25-C	2	16,207,395	1.001	1.000	1.000	1.001		16,239,826	811,991,300	38,666,252	773,325,047	15,466,501	827,457,801
		50.00	2B.02-C; 2B.22-C	2	16,207,395	1.001	1.000	1.000		0.999	16,207,379	810,368,940	38,588,997	771,779,943	15,435,599	825,804,538
		66.02	2B.03-A; 2B.23-A	2	16,207,395	1.001		1.000	1.001		16,239,826	1,072,153,312	51,054,920	1,021,098,393	20,421,968	1,092,575,280
		66.02	2B.04-A; 2B.20-A	2	16,207,395	1.001	1.000	1.000		0.999	16,207,379	1,070,011,148	50,952,912	1,019,058,236	20,381,165	1,090,392,313
		57.75	2B.05-D; ... ; 2B.21-D	8	16,207,395	1.001	1.000	1.000	1.001		16,239,826	937,849,951	44,659,521	893,190,430	17,863,809	955,713,760
		57.85	2B.04-B; ... ; 2B.18-B	7	16,207,395	1.001	1.000	1.000		0.999	16,207,379	937,596,863	44,647,470	892,949,393	17,858,988	955,455,851
3	Tầng 3	50.00	3B.01-C; 3B.25-C	2	16,207,395	1.000	1.000	1.000	1.001		16,223,602	811,180,120	38,627,625	772,552,495	15,451,050	826,631,170
		50.00	3B.02-C; 3B.22-C	2	16,207,395	1.000	1.000	1.000		0.999	16,191,188	809,559,380	38,550,447	771,008,934	15,420,179	824,979,559
		66.02	3B.03-A; 3B.23-A	2	16,207,395	1.000	1.000	1.000	1.001		16,223,602	1,071,082,230	51,003,916	1,020,078,314	20,401,566	1,091,483,796
		66.02	3B.04-A; 3B.20-A	2	16,207,395	1.000		1.000		0.999	16,191,188	1,068,942,206	50,902,010	1,018,040,196	20,360,804	1,089,303,010
		57.75	3B.05-D; ... ; 3B.21-D	8	16,207,395	1.000	1.000	1.000	1.001		16,223,602	936,913,038	44,614,907	892,298,132	17,845,963	954,759,001
		57.85	3B.04-B; ... ; 3B.18-B	7	16,207,395	1.000	1.000	1.000		0.999	16,191,188	936,660,203	44,602,867	892,057,336	17,841,147	954,501,350
4	Tầng 4	50.00	4B.01-C; 4B.25-C	2	16,207,395	0.996	1.000	1.000	1.001		16,158,708	807,935,399	38,473,114	769,462,285	15,389,246	823,324,645
		50.00	4B.02-C; 4B.22-C	2	16,207,395	0.996	1.000	1.000		0.999	16,126,423	806,321,143	38,396,245	767,924,898	15,358,498	821,679,641
		66.02	4B.03-A; 4B.23-A	2	16,207,395	0.996		1.000	1.001		16,207,396	1,070,012,284	50,952,966	1,019,059,318	20,381,186	1,090,393,470
		66.02	4B.04-A; 4B.20-A	2	16,207,395	0.996		1.000		0.999	16,126,423	1,064,666,437	50,698,402	1,013,968,035	20,279,361	1,084,945,798
		57.75	4B.05-D; ... ; 4B.21-D	8	16,207,395	0.996	1.000	1.000	1.001		16,158,708	933,165,386	44,436,447	888,728,939	17,774,579	950,939,965
		57.85	4B.04-B; ... ; 4B.18-B	7	16,207,395	0.996	1.000	1.000		0.999	16,126,423	932,913,562	44,424,455	888,489,107	17,769,782	950,683,344
5	Tầng 5	50.00	5B.01-C; 5B.25-C	2	16,207,395	0.996	1.000	1.000	1.001		16,158,708	807,935,399	38,473,114	769,462,285	15,389,246	823,324,645
		50.00	5B.02-C; 5B.22-C	2	16,207,395	0.996	1.000	1.000		0.999	16,126,423	806,321,143	38,396,245	767,924,898	15,358,498	821,679,641
		66.02	5B.03-A; 5B.23-A	2	16,207,395	0.996		1.000	1.001		16,158,708	1,066,797,901	50,799,900	1,015,998,001	20,319,960	1,087,117,861
		66.02	5B.04-A; 5B.20-A	2	16,207,395	0.996		1.000		0.999	16,126,423	1,064,666,437	50,698,402	1,013,968,035	20,279,361	1,084,945,798

6	Tầng 6	57.75	5B.05-D; ... ;5B.21-D	8	16,207,395	0.996	1.000	1.001	16,158,708	933,165,386	44,436,447	888,728,939	17,774,579	950,939,965
		57.85	5B.04-B; ... ;5B.18-B	7	16,207,395	0.996	1.000		16,126,423	932,913,562	44,424,455	888,489,107	17,769,782	950,683,344
7	Tầng 7	50.00	6B.01-C; 6B.25-C	2	16,207,395	0.996	1.000	1.001	16,160,330	808,016,517	38,476,977	769,539,540	15,390,791	823,407,308
		50.00	6B.02-C; 6B.22-C	2	16,207,395	0.996	1.000		16,128,042	806,402,099	38,400,100	768,001,999	15,360,040	821,762,139
8	Tầng 8	66.02	6B.03-A; 6B.23-A	2	16,207,395	0.996	1.000	1.001	16,160,330	1,066,905,009	50,805,000	1,016,100,009	20,322,000	1,087,227,010
		66.02	6B.04-A; 6B.20-A	2	16,207,395	0.996	1.000		16,128,042	1,064,773,331	50,703,492	1,014,069,839	20,281,397	1,085,054,728
9	Tầng 9	57.75	6B.05-D; ... ;6B.21-D	8	16,207,395	0.996	1.000	1.001	16,160,330	933,259,077	44,440,908	888,818,169	17,776,363	951,035,441
		57.85	6B.04-B; ... ;6B.18-B	7	16,207,395	0.996	1.000		16,128,042	933,007,228	44,428,916	888,578,313	17,771,566	950,778,794
10	Tầng 10	50.00	7B.01-C; 7B.25-C	2	16,207,395	0.997	1.000	1.001	16,174,932	808,746,579	38,511,742	770,234,838	15,404,697	824,151,276
		50.00	7B.02-C; 7B.22-C	2	16,207,395	0.997	1.000		16,142,614	807,130,702	38,434,795	768,695,907	15,373,918	822,504,620
11	Tầng 11	66.02	7B.03-A; 7B.23-A	2	16,207,395	0.997	1.000	1.001	16,174,932	1,067,868,983	50,850,904	1,017,018,079	20,340,362	1,088,209,345
		66.02	7B.04-A; 7B.20-A	2	16,207,395	0.997	1.000		16,142,614	1,065,735,379	50,749,304	1,014,986,075	20,299,722	1,086,035,101
12	Tầng 12	57.75	7B.05-D; ... ;7B.21-D	8	16,207,395	0.997	1.000	1.001	16,174,932	934,102,299	44,481,062	889,621,237	17,792,425	951,894,724
		57.85	7B.04-B; ... ;7B.18-B	7	16,207,395	0.997	1.000		16,142,614	933,850,222	44,469,058	889,381,164	17,787,623	951,637,846
13	Tầng 13	50.00	8B.01-C; 8B.25-C	2	16,207,395	0.998	1.000	1.001	16,191,155	809,557,760	38,550,370	771,007,390	15,420,148	824,977,907
		50.00	8B.02-C; 8B.22-C	2	16,207,395	0.998	1.000		16,158,805	807,940,261	38,473,346	769,466,916	15,389,338	823,329,600
14	Tầng 14	66.02	8B.03-A; 8B.23-A	2	16,207,395	0.998	1.000	1.001	16,191,155	1,068,940,066	50,901,908	1,018,038,158	20,360,763	1,089,300,829
		66.02	8B.04-A; 8B.20-A	2	16,207,395	0.998	1.000		16,158,805	1,066,804,321	50,800,206	1,016,004,115	20,320,082	1,087,124,404
15	Tầng 15	57.75	8B.05-D; ... ;8B.21-D	8	16,207,395	0.998	1.000	1.001	16,191,155	935,039,212	44,525,677	890,513,535	17,810,271	952,849,483
		57.85	8B.04-B; ... ;8B.18-B	7	16,207,395	0.998	1.000		16,158,805	934,786,883	44,513,661	890,273,221	17,805,464	952,592,347
16	Tầng 16	50.00	9B.01-C; 9B.25-C	2	16,207,395	1.000	1.000	1.001	16,223,602	811,180,120	38,627,625	772,552,495	15,451,050	826,631,170
		50.00	9B.02-C; 9B.22-C	2	16,207,395	1.000	1.000		16,191,188	809,559,380	38,550,447	771,008,934	15,420,179	824,979,559
17	Tầng 17	66.02	9B.03-A; 9B.23-A	2	16,207,395	1.000	1.000	1.001	16,223,602	1,071,082,230	51,003,916	1,020,078,314	20,401,566	1,091,483,796
		66.02	9B.04-A; 9B.20-A	2	16,207,395	1.000	1.000		16,191,188	1,068,942,206	50,902,010	1,018,040,196	20,360,804	1,089,303,010
18	Tầng 18	57.75	9B.05-D; ... ;9B.21-D	8	16,207,395	1.000	1.000	1.001	16,223,602	936,913,038	44,614,907	892,298,132	17,845,963	954,759,001
		57.85	9B.04-B; ... ;9B.18-B	7	16,207,395	1.000	1.000		16,191,188	936,660,203	44,602,867	892,057,336	17,841,147	954,501,350
19	Tầng 19	50.00	10B.01-C; 10B.25-C	2	16,207,395	1.001	1.000	1.001	16,239,826	811,991,300	38,666,252	773,325,047	15,466,501	827,457,801
		50.00	10B.02-C; 10B.22-C	2	16,207,395	1.001	1.000		16,207,379	810,368,940	38,588,997	771,779,943	15,435,599	825,804,538
20	Tầng 20	66.02	10B.03-A; 10B.23-A	2	16,207,395	1.001	1.000	1.001	16,239,826	1,072,153,312	51,054,920	1,021,098,393	20,421,968	1,092,575,280
		66.02	10B.04-A; 10B.20-A	2	16,207,395	1.001	1.000		16,207,379	1,070,011,148	50,952,912	1,019,058,236	20,381,165	1,090,392,313
21	Tầng 21	57.75	10B.05-D; ... ;10B.21-D	8	16,207,395	1.001	1.000	1.001	16,239,826	937,849,951	44,659,521	893,190,430	17,863,809	955,713,760
		57.85	10B.04-B; ... ;10B.18-B	7	16,207,395	1.001	1.000		16,207,379	937,596,863	44,647,470	892,949,393	17,858,988	955,455,851
22	Tầng 22	50.00	11B.01-C; 11B.25-C	2	16,207,395	1.002	1.000	1.001	16,256,050	812,802,480	38,704,880	774,097,600	15,481,952	828,284,432
		50.00	11B.02-C; 11B.22-C	2	16,207,395	1.002	1.000		16,223,570	811,178,499	38,627,548	772,550,951	15,451,019	826,629,518
23	Tầng 23	66.02	11B.03-A; 11B.23-A	2	16,207,395	1.002	1.000	1.001	16,256,050	1,073,224,395	51,105,924	1,022,118,471	20,442,369	1,093,666,764
		66.02	11B.04-A; 11B.20-A	2	16,207,395	1.002	1.000		16,223,570	1,071,080,090	51,003,814	1,020,076,276	20,401,526	1,091,481,616

12	Tầng 12A	57.75	11B.05-D; ..; 11B.21-D	8	16,207,395	1.002	1.000		1.001		16,256,050	938,786,864	44,704,136	894,082,728	17,881,655	956,668,519
		57.85	11B.04-B; ..; 11B.18-B	7	16,207,395	1.002	1.000			0.999	16,223,570	938,533,523	44,692,073	893,841,451	17,876,829	956,410,352
		50.00	12BA.01-C; 12BA.25-C	2	16,207,395	1.002	1.000		1.001		16,256,050	812,802,480	38,704,880	774,097,600	15,481,952	828,284,432
		50.00	12BA.02-C; 12BA.22-C	2	16,207,395	1.002	1.000			0.999	16,223,570	811,178,499	38,627,548	772,550,951	15,451,019	826,629,518
		66.02	12BA.03-A; 12BA.23-A	2	16,207,395	1.002	1.000		1.001		16,256,050	1,073,224,395	51,105,924	1,022,118,471	20,442,369	1,093,666,764
		66.02	12BA.04-A; 12BA.20-A	2	16,207,395	1.002	1.000			0.999	16,223,570	1,071,080,090	51,003,814	1,020,076,276	20,401,526	1,091,481,616
		57.75	12BA.05-D; ..; 12BA.21-D	8	16,207,395	1.002	1.000		1.001		16,256,050	938,786,864	44,704,136	894,082,728	17,881,655	956,668,519
		57.85	12BA.04-BA; ..; 12BA.18-B	7	16,207,395	1.002	1.000			0.999	16,223,570	938,533,523	44,692,073	893,841,451		956,410,352
		50.00	12BB.01-C; 12BB.25-C	2	16,207,395	1.003	1.000		1.001		16,272,273	813,613,660	38,743,508	774,870,152	15,497,403	829,111,063
		50.00	12BB.02-C; 12BB.22-C	2	16,207,395	1.003	1.000			0.999	16,239,761	811,988,058	38,666,098	773,321,960	15,466,439	827,454,498
13	Tầng 12B	66.02	12BB.03-A; 12BB.23-A	2	16,207,395	1.003	1.000		1.001		16,272,273	1,074,295,477	51,156,927	1,023,138,549	20,462,771	1,094,758,248
		66.02	12BB.04-A; 12BB.20-A	2	16,207,395	1.003	1.000			0.999	16,239,761	1,072,149,032	51,054,716	1,021,094,316	20,421,886	1,092,570,919
		57.75	12BB.05-D; ..; 12BB.21-D	8	16,207,395	1.003	1.000		1.001		16,272,273	939,723,777	44,748,751	894,975,026	17,899,501	957,623,278
		57.85	12BB.04-BB; ..; 12BB.18-B	7	16,207,395	1.003				0.999	16,239,761	939,470,184	44,736,675	894,733,508	17,894,670	957,364,854
		50.00	14B.01-C; 14B.25-C	2	16,207,395	1.003	1.000		1.001		16,272,273	813,613,660	38,743,508	774,870,152	15,497,403	829,111,063
		50.00	14B.02-C; 14B.22-C	2	16,207,395	1.003	1.000			0.999	16,239,761	811,988,058	38,666,098	773,321,960	15,466,439	827,454,498
		66.02	14B.03-A; 14B.23-A	2	16,207,395	1.003	1.000		1.001		16,272,273	1,074,295,477	51,156,927	1,023,138,549	20,462,771	1,094,758,248
		66.02	14B.04-A; 14B.20-A	2	16,207,395	1.003	1.000			0.999	16,239,761	1,072,149,032	51,054,716	1,021,094,316	20,421,886	1,092,570,919
		57.75	14B.05-D; ..; 14B.21-D	8	16,207,395	1.003	1.000		1.001		16,272,273	939,723,777	44,748,751	894,975,026	17,899,501	957,623,278
		57.85	14B.04-B; ..; 14B.18-B	7	16,207,395	1.003	1.000			0.999	16,239,761	939,470,184	44,736,675	894,733,508	17,894,670	957,364,854
14	Tầng 14	50.00	15B.01-C; 15B.25-C	2	16,207,395	1.003	1.000		1.001		16,272,273	813,613,660	38,743,508	774,870,152	15,497,403	829,111,063
		50.00	15B.02-C; 15B.22-C	2	16,207,395	1.003	1.000			0.999	16,239,761	811,988,058	38,666,098	773,321,960	15,466,439	827,454,498
		66.02	15B.03-A; 15B.23-A	2	16,207,395	1.003	1.000		1.001		16,272,273	1,074,295,477	51,156,927	1,023,138,549	20,462,771	1,094,758,248
		66.02	15B.04-A; 15B.20-A	2	16,207,395	1.003	1.000			0.999	16,239,761	1,072,149,032	51,054,716	1,021,094,316	20,421,886	1,092,570,919
		57.75	15B.05-D; ..; 15B.21-D	8	16,207,395	1.003	1.000		1.001		16,272,273	939,723,777	44,748,751	894,975,026	17,899,501	957,623,278
		57.85	15B.04-B; ..; 15B.18-B	7	16,207,395	1.003	1.000			0.999	16,239,761	939,470,184	44,736,675	894,733,508	17,894,670	957,364,854
15	Tầng 15	50.00	16B.01-C; 16B.25-C	2	16,207,395	1.003	1.000		1.001		16,272,273	813,613,660	38,743,508	774,870,152	15,497,403	829,111,063
		50.00	16B.02-C; 16B.22-C	2	16,207,395	1.003	1.000			0.999	16,239,761	811,988,058	38,666,098	773,321,960	15,466,439	827,454,498
		66.02	16B.03-A; 16B.23-A	2	16,207,395	1.003	1.000		1.001		16,272,273	1,074,295,477	51,156,927	1,023,138,549	20,462,771	1,094,758,248
		66.02	16B.04-A; 16B.20-A	2	16,207,395	1.003	1.000			0.999	16,239,761	1,072,149,032	51,054,716	1,021,094,316	20,421,886	1,092,570,919
		57.75	16B.05-D; ..; 16B.21-D	8	16,207,395	1.003	1.000		1.001		16,272,273	939,723,777	44,748,751	894,975,026	17,899,501	957,623,278
		57.85	16B.04-B; ..; 16B.18-B	7	16,207,395	1.003	1.000			0.999	16,239,761	939,470,184	44,736,675	894,733,508	17,894,670	957,364,854
		50.00	17B.01-C; 17B.25-C	2	16,207,395	1.003	1.000		1.001		16,272,273	813,613,660	38,743,508	774,870,152	15,497,403	829,111,063
		50.00	17B.02-C; 17B.22-C	2	16,207,395	1.003	1.000			0.999	16,239,761	811,988,058	38,666,098	773,321,960	15,466,439	827,454,498
		66.02	17B.03-A; 17B.23-A	2	16,207,395	1.003	1.000		1.001		16,272,273	1,074,295,477	51,156,927	1,023,138,549	20,462,771	1,094,758,248
		66.02	17B.04-A; 17B.20-A	2	16,207,395	1.003	1.000			0.999	16,239,761	1,072,149,032	51,054,716	1,021,094,316	20,421,886	1,092,570,919

Mẫu số 01: Đơn đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội
(Theo Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ MUA, THUÊ MUA, THUÊ NHÀ Ở XÃ HỘI

Hình thức đăng ký¹: Mua ☐ Thuê mua ☐ Thuê ☐

1. Kính gửi²:
2. Họ và tên người viết đơn:
3. Căn cước công dân số: cấp ngày...../...../.....
tại.....
4. Nghề nghiệp³:
5. Nơi làm việc⁴:
6. Nơi ở hiện tại:.....
7. Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú) tại:
8. Thuộc đối tượng⁵:
9. Họ và tên của các thành viên trong hộ gia đình⁶:
 - a. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày/...../..... tại.....
 - b. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày/...../..... tại.....
 - c. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày/...../..... tại.....
 - d. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày/...../..... tại.....
 - e. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày/...../..... tại.....
10. Thực trạng về nhà ở của tôi như sau:
 - 10.1. Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình ☐
 - 10.2. Có nhà ở nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15 m²sàn/người⁷ ☐
11. Tôi có mức thu nhập hàng tháng là:
 - 11.1. Đối với đối tượng quy định tại khoản 5, khoản 6 và khoản 8 Điều 76 của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023⁸ thì đánh dấu vào một trong hai ô dưới đây:
 - Trường hợp là người độc thân: thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 15 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi tôi làm việc xác nhận⁹. ☐
 - Trường hợp đã kết hôn theo quy định của pháp luật: tổng thu nhập hàng tháng thực nhận của tôi và vợ (chồng) tôi không quá 30 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi tôi và vợ (chồng) tôi làm việc xác nhận¹⁰. ☐
 - 11.2. Đối với đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở¹¹ thì đánh dấu vào một trong hai ô dưới đây:
 - Trường hợp là người độc thân thì có thu nhập hàng tháng thực nhận không quá tổng thu nhập của sỹ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định) được cơ quan, đơn vị nơi công tác, quản lý xác nhận. ☐
 - Trường hợp đã kết hôn theo quy định của pháp luật:
 - + Tôi và vợ (chồng) tôi đều thuộc đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở thì có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 2,0 lần tổng thu nhập của sỹ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định) được cơ quan, đơn vị nơi công tác, quản lý xác nhận. ☐
 - + Vợ (chồng) tôi không thuộc đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở thì có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 1,5 lần tổng thu nhập của sỹ quan có cấp bậc hàm Đại tá

(gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định) được cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi tôi làm việc xác nhận. ☐

12. Tôi chưa được mua hoặc thuê mua nhà ở xã hội, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở dưới mọi hình thức tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai. Khi được giải quyết¹² nhà ở xã hội, tôi cam kết chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở xã hội.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Đánh dấu vào ô mà người viết đơn có nhu cầu đăng ký.

² Ghi tên chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

³ Nếu đang làm việc tại cơ quan, tổ chức thì ghi rõ nghề nghiệp, nếu là lao động tự do thì ghi là lao động tự do, nếu đã nghỉ hưu thì ghi đã nghỉ hưu...

⁴ Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này, trừ đối tượng là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác.

⁵ Ghi rõ người có đơn thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội.

⁶ Ghi rõ họ tên và mối quan hệ của từng thành viên với người đứng đơn.

⁷ Đối với trường hợp độc thân: diện tích nhà ở bình quân đầu người đối với người đó.

Đối với trường hợp hộ gia đình: diện tích nhà ở bình quân đầu người đối với người đề nghị xác nhận, vợ/chồng người đề nghị xác nhận (nếu có), cha, mẹ của người đề nghị xác nhận bao gồm cả cha, mẹ vợ/chồng của người đó (nếu có) và các con của người đề nghị xác nhận (nếu có).

⁸ Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị (khoản 5 Điều 76); công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp (khoản 6 Điều 76); cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức (khoản 8 Điều 76).

⁹ Trường hợp đối tượng là người thu nhập thấp khu vực đô thị không có hợp đồng lao động, nếu là người độc thân thì mức thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 15 triệu đồng, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận điều kiện về thu nhập.

¹⁰ Trường hợp đối tượng là người thu nhập thấp khu vực đô thị không có hợp đồng lao động, nếu đã kết hôn theo quy định của pháp luật thì tổng mức thu nhập hàng tháng của người đứng đơn và vợ/chồng của người đứng đơn không quá 30 triệu đồng, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận điều kiện về thu nhập.

¹¹ Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác (khoản 7 Điều 76).

¹² Ghi rõ hình thức được giải quyết chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (mua, thuê mua, thuê).

Mẫu số 01. Giấy tờ chứng minh đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội
(Theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG

1. Kính gửi²:
2. Họ và tên:
3. Căn cước công dân số: cấp ngày/...../..... tại
4. Nơi ở hiện tại³:
5. Đăng ký thường trú (đăng ký tạm trú) tại:
6. Nghề nghiệp: Tên cơ quan (đơn vị):
7. Là đối tượng⁴:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày tháng năm
Người kê khai Giấy xác nhận về đối tượng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp về:
Ông/Bà..... là đối tượng⁵

(Ký tên, đóng dấu)

² - Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi người kê khai Giấy xác nhận về đối tượng đang làm việc trong trường hợp người kê khai là: (i) Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị; (ii) Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp; (iii) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.
Trường hợp người kê khai đã nghỉ chế độ (nghỉ hưu) thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ra Quyết định nghỉ chế độ của người đó thực hiện việc xác nhận.

- Cơ quan quản lý nhà ở công vụ của người kê khai Giấy xác nhận về đối tượng trong trường hợp người kê khai thuộc đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi người kê khai Giấy xác nhận về đối tượng đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở.

- Đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, trường chuyên biệt theo quy định của pháp luật; trường dân tộc nội trú công lập thực hiện việc xác nhận Giấy tờ xác nhận về đối tượng đối với học sinh, sinh viên đang học tập tại cơ sở đào tạo, giáo dục do mình quản lý.

³ Là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của người kê khai đang thường xuyên sinh sống.

⁴ Ghi rõ người kê khai là đối tượng:

- Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị;

- Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp;

- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;

- Đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định, trừ trường hợp bị thu hồi nhà ở công vụ do vi phạm quy định;

- Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở;

- Học sinh, sinh viên đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, trường chuyên biệt theo quy định của pháp luật; học sinh trường dân tộc nội trú công lập.

⁵ Đối tượng thuộc mục kê khai số 7.

1

**Mẫu số 02. Giấy tờ chứng minh điều kiện về nhà ở để được mua, thuê mua nhà ở xã hội
/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân** (trường hợp chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình)
(Theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐIỀU KIỆN NHÀ Ở

1. Kính gửi⁵: Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng
 2. Họ và tên:
 3. Căn cước công dân số:.....cấp ngày...../...../..... tại.....
 4. Nơi ở hiện tại⁶:
 5. Đăng ký thường trú (đăng ký tạm trú) tại:
 -
 6. Họ và tên vợ/chồng (nếu có):
 - Căn cước công dân số:.....cấp ngày// tại.....
 7. Đăng ký kết hôn số (nếu có).....
 8. Là đối tượng⁷:
 9. Tôi và vợ/chồng tôi (nếu có) không có tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) tại tỉnh/Thành phố..... (nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân)⁸.
- Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

⁵Văn phòng đăng ký đất đai thuộc tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân.

⁶ Là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của người kê khai đang thường xuyên sinh sống.

⁷ Ghi rõ người kê khai là đối tượng:

- Người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ thuộc trường hợp được hỗ trợ cải thiện nhà ở theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;
- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn;
- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu;
- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị;
- Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị;
- Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp;
- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác;
- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;
- Đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 125 của Luật Nhà ở, trừ trường hợp bị thu hồi nhà ở công vụ do vi phạm quy định của Luật Nhà ở;
- Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở.

⁸Ghi rõ tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân.

....., ngày tháng năm
Người kê khai Giấy xác nhận về điều kiện nhà ở
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng (nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội/ nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân) về: Ông/Bà..... không có tên trong Giấy chứng nhận tại tỉnh/Thành phố..... (nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội/ nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân).

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03. Giấy tờ chứng minh điều kiện về nhà ở để được mua, thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân (trường hợp có nhà ở nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15m² sàn/người)

(Theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐIỀU KIỆN NHÀ Ở

1. Kính gửi⁹: Ủy ban nhân dân xã/phường
2. Họ và tên:
3. Căn cước công dân số:..... cấp ngày/...../..... tại.....
4. Nơi ở hiện tại¹⁰:
5. Đăng ký thường trú tại:
6. Họ và tên vợ/chồng (nếu có):
- Căn cước công dân số:..... cấp ngày/...../..... tại.....
7. Đăng ký kết hôn số (nếu có).....
8. Họ và tên các thành viên trong hộ gia đình¹¹ (nếu có)
 - a. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày/...../..... tại.....
 - b. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày/...../..... tại.....
 - c. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày/...../..... tại.....
 - d. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày/...../..... tại.....
 - e. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày/...../..... tại.....
 - f. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày/...../..... tại.....
 - g. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày/...../..... tại.....
 - h. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày/...../..... tại.....
 - i. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày/...../..... tại.....
 - j. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày/...../..... tại.....

⁹UBND cấp xã nơi người kê khai Giấy xác nhận về điều kiện nhà ở đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú đối với trường hợp người kê khai có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15m² sàn/người

¹⁰Là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú mà người kê khai đang thường xuyên sinh sống.

¹¹Chỉ liệt kê vợ/chồng của người kê khai Giấy xác nhận về điều kiện nhà ở (nếu có), cha, mẹ của người kê khai bao gồm cả cha, mẹ vợ/chồng của người đó (nếu có) và các con của người kê khai (nếu có) đăng ký thường trú tại căn nhà đó.

9. Là đối tượng¹²:

10. Tôi hoặc vợ/chồng tôi (nếu có) cam kết có tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) số:....., diện tích sàn sử dụng nhà ở.....m², diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15m² sàn/người¹³ tại tỉnh/Thành phố.....(nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày tháng năm

Người kê khai Giấy xác nhận về điều kiện nhà ở
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Ủy ban nhân dân xã/phường..... về:

Ông/Bà.....có tên trong Giấy chứng nhận số....., diện tích sàn sử dụng nhà ở.....m², diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15m² sàn/người.

(Ký tên, đóng dấu)

¹² Ghi rõ người kê khai là đối tượng:

- Người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ thuộc trường hợp được hỗ trợ cải thiện nhà ở theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;
- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn;
- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu;
- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị;
- Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị;
- Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp;
- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác;
- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;
- Đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 125 của Luật Nhà ở, trừ trường hợp bị thu hồi nhà ở công vụ do vi phạm quy định của Luật Nhà ở;
- Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở.

¹³ Đối với trường hợp độc thân: diện tích nhà ở bình quân đầu người đối với người đó.

Đối với trường hợp hộ gia đình: diện tích nhà ở bình quân đầu người đối với người kê khai Giấy xác nhận về điều kiện nhà ở, vợ/chồng người kê khai (nếu có), cha, mẹ của người kê khai bao gồm cả cha, mẹ vợ/chồng của người đó (nếu có) và các con của người kê khai (nếu có) đăng ký thường trú tại căn nhà đó.

Mẫu số 04. Giấy tờ chứng minh điều kiện về thu nhập để được mua, thuê mua nhà ở xã hội¹⁴
(Theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP

1. Kính gửi¹⁵:.....
2. Họ và tên:.....
3. Căn cước công dân số:..... cấp ngày/...../..... tại.....
4. Nơi ở hiện tại¹⁶:
.....
5. Đăng ký thường trú (đăng ký tạm trú) tại:
.....
6. Họ và tên vợ/chồng:
Căn cước công dân số:..... cấp ngày/...../..... tại.....
7. Đăng ký kết hôn số:
8. Là đối tượng¹⁷:.....
9. Tôi có thu nhập hàng tháng thực nhận tính theo Bảng tiền công/tiền lương là.....
(photo Bảng tiền công/tiền lương trong 01 năm liền kề, tính từ thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ cho chủ đầu tư để đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội)¹⁸

¹⁴ Thời hạn xác nhận điều kiện về thu nhập trong 01 năm liền kề, tính từ thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ cho chủ đầu tư để đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội.

¹⁵ Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi người kê khai Giấy xác nhận về điều kiện thu nhập đang làm việc trong trường hợp người kê khai là: (i) Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp; (ii) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác; (iii) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

Trường hợp người kê khai đã nghỉ chế độ (nghỉ hưu) thì giấy tờ chứng minh điều kiện về thu nhập là Quyết định nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí của người đó.

¹⁶ Là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của người kê khai đang thường xuyên sinh sống.

¹⁷ Ghi rõ người kê khai là đối tượng:

- Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp;
- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác;
- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;
- Trường hợp người kê khai Giấy xác nhận về điều kiện thu nhập là vợ hoặc chồng của người đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội thì không phải kê khai mục này.

¹⁸ Đối với đối tượng là Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác thì kê khai thu nhập hàng tháng thực nhận do cơ quan, đơn vị nơi công tác quản lý xác nhận (Photo Bảng thu nhập hàng tháng trong 01 năm liền kề, tính từ thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ cho chủ đầu tư để đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày tháng năm
Người kê khai Giấy xác nhận về điều kiện thu nhập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp
 là
Ông/Bà **có**
thu nhập hàng tháng thực nhận là
 **đồng.**
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05. Giấy kê khai về điều kiện thu nhập để được mua, thuê mua nhà ở xã hội đối với đối tượng thu nhập thấp tại khu vực đô thị (trường hợp không có hợp đồng lao động)
(Theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KÊ KHAI VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP

1. Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường¹⁹.....
 2. Họ và tên:
 3. Căn cước công dân số:..... cấp ngày/...../..... tại.....
 4. Nơi ở hiện tại²⁰:
 5. Đăng ký thường trú (đăng ký tạm trú) tại:
 6. Họ và tên vợ/chồng (nếu có):
 - Căn cước công dân số:..... cấp ngày/...../..... tại.....
 - Nghề nghiệp: Tên cơ quan (đơn vị) (nếu có):
 7. Đăng ký kết hôn số (nếu có):
 8. Tôi là người thu nhập thấp tại khu vực đô thị (không có hợp đồng lao động) và có thu nhập hàng tháng thực nhận là:
 - Trường hợp là người độc thân: thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 15 triệu đồng ☐
 - Trường hợp đã kết hôn theo quy định của pháp luật: tổng thu nhập hàng tháng của tôi và vợ/chồng tôi thực nhận không quá 30 triệu đồng ☐
- Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày tháng năm
Người kê khai Giấy xác nhận về điều kiện thu nhập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Ủy ban nhân dân xã/phường..... là Ông/Bà..... có thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 15 triệu đồng (đối với trường hợp độc thân) và không quá 30 triệu đồng (đối với trường hợp đã kết hôn).

(Ký tên, đóng dấu)

¹⁹ Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người kê khai Giấy xác nhận về điều kiện thu nhập là người thu nhập thấp (không có hợp đồng lao động) đăng ký thường trú/tạm trú xác nhận về điều kiện thu nhập.

²⁰ Là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của người kê khai đang thường xuyên sinh sống.

Mẫu giấy tờ chứng minh đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở
(Theo Thông tư số 94/2024/TT-BQP ngày 11/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG

- Kính gửi¹:
- Họ và tên người đề nghị xác nhận:
- Thẻ căn cước/Căn cước công dân số:..... cấp ngày/...../....., tại
- Nơi ở hiện tại:
- Đăng ký thường trú (Đăng ký tạm trú) tại:
- Tên cơ quan (đơn vị)
- Thuộc đối tượng²

Tôi cam kết chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi cam kết trả lại nhà ở công vụ (nếu có) sau khi nhận bàn giao nhà ở xã hội (nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

Xác nhận của cơ quan, đơn vị về:

Đồng chí:

là đối tượng:

(Ký tên, đóng dấu)

..... Ngày... tháng.... năm.....

Người đề nghị xác nhận

(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Các cơ quan, đơn vị từ cấp Trung đoàn và tương đương trở lên thuộc Bộ Quốc phòng được giao xác nhận đối với trường hợp người đề nghị xác nhận là: Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; Ban cơ yếu Chính phủ được giao xác nhận đối với trường hợp người đề nghị xác nhận là: Người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác thuộc phạm vi quản lý Bộ Quốc phòng.

² Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ về nhà ở, vay vốn ưu đãi để mua, nhà ở: Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác thuộc phạm vi quản lý Bộ Quốc phòng.

Mẫu NOCA: Giấy chứng minh đối tượng trong Công an nhân dân được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội và nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân
(Theo Thông tư số 56/2024/TT-BCA ngày 05/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH ĐỐI TƯỢNG TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở XÃ HỘI VÀ NHÀ Ở CHO LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

1. Kính gửi¹:
2. Họ và tên người đề nghị xác nhận:
3. Ngày sinh:
4. Nơi cư trú:
5. Số định danh cá nhân:
6. Là đối tượng (Sĩ quan/hạ sĩ quan/công nhân công an):

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

Xác nhận của cấp có thẩm quyền²
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày tháng năm
Người kê khai
(ký, ghi rõ họ tên)

¹ Ghi tên cơ quan nơi công tác.

² Người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư.